TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-PT
Ngày 09 - 10 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất, bồi thường tiền lễ, yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Ông Cao Đức Chiến;

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thúy Kiều - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất và bồi thường tiền lễ, yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DSST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Vũ Tuấn D; có mặt.

2. Bà Phạm Thị N; có mặt.

Cùng cư trú tại: Đường T, khối A, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị N: Ông Vũ Tuấn D (giấy ủy quyền ngày 12-12-2018, có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Duy C; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Đường H, khu E, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng T: Ông Trần Duy C (giấy ủy quyền ngày 12/3/2019, có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng H1; địa chỉ: tòa nhà S, đường P, khu đô thị Mì, quận N, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Tô Thị Hòa B, Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lăng Thanh S, Chức vụ: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Khu Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền số 0801/UQ-HD ngày 08-01-2019); vắng mặt.

2. Ông Dương Danh T; cư trú tại: Xóm X, thôn K, xã S, huyện Q, thành phố H; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần D C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014 ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N mua với Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng H1 thửa đất số 310 tại ô số 06, lô NLK.09, diện tích 82,5 m^2, thuộc tờ bản đồ số 10, khu Đ, phường H và được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 560085 ngày 26-11-2014, ông D, bà N chưa xây dựng gì trên thửa đất này. Đến khoảng cuối tháng 6 năm 2018 ông D, bà N đi thăm và kiểm tra đất, thấy một ngôi nhà đã xây thô được hơn 03 tầng trên thửa đất này, không rõ của ai. Ông D, bà N đã đi báo với Ban quản lý dự án P, Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng H1 để tìm hiểu sự việc và cùng Ban quản lý tiến hành kiểm tra thực tế trên bản đồ quy hoạch và xác định ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T là người đang xây dựng công trình này.

Ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N yêu cầu:

- Ông Trần Duy C, bà Nguyễn Thị Hồng T tháo dỡ ngôi nhà (cả phần móng) đang xây dở tầng 4 chưa trát, xây trái phép trên phần đất của gia đình ông thuộc thửa đất số 310, ô số 06, lô NLK.09, tờ bản đồ số 10, khu Đ, phường H, thành phố L, trả mặt bằng như ban đầu.

- Yêu cầu ông Trần Duy C, bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả tiền làm lễ liền thổ cho ông D, bà N theo phong tục, tập quán với số tiền 6.000.000đồng (sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N đưa ra thêm 02 yêu cầu:

- Buộc ông C, bà T phải lu mặt bằng để trả lại nguyên trạng thửa đất cho ông D.

- Buộc ông C, bà T bồi thường tổn thất về tinh thần cho ông D, bà N 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Năm 2017, ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T có mua lại ô đất số 04, lô NLK.09, thửa đất số 308 tờ bản đồ số 10, thuộc khu Đ, phường H, thành phố L, sau đó ngày 13-10-2017 ông C, bà T được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 904367. Tháng 03 năm 2018 ông C, bà T thuê ông Dương Danh T xây dựng ngôi nhà 04 tầng trên ô đất này; tuy nhiên, thời điểm xây dựng ông C, bà T không trực tiếp có mặt tại nơi thi công, công trình mà đang đi làm ăn ở nơi khác, việc xây dựng chỉ liên lạc qua điện thoại với ông T. Đến cuối tháng 06 năm 2018 ông C, bà T được Ban quản lý dự án P Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng H1 thông báo về việc xây dựng nhầm tại ô số 06, lô NLK.09, thửa đất số 310 tờ bản đồ số 10, thuộc khu Đ, phường H, thành phố L, thuộc sở hữu của ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N. Ông C, bà T xác định mình đã sai; đề nghị ông D, bà N cho ông C mua lại mảnh đất với giá thỏa thuận hoặc đồng ý cho ông C, bà T đổi lô đất khác thuộc cùng khu Đ; hoặc ông D, bà N hợp tác cùng ông C, bà T xây dựng xong công trình và cùng bán cả nhà, đất để thu lại vốn, hưởng theo tỷ lệ phần trăm.

Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng H1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản khai và quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Năm 2004 Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng H1 (Công ty) được Nhà nước giao dự án xây dựng khu Đ. Năm 2014 Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu liền kề 09 (gọi tắt là lô NLK.09) và chuyển nhượng lại cho ông Vũ Tuấn D, bà Phạm Thị N ô số 06, lô NLK.09, thửa đất số 310 tờ bản đồ số 10, thuộc khu Đ, phường H, thành phố L vào cuối năm 2014. Từ đó cho đến nay, ông D, bà N chưa xin chấp thuận xây dựng công trình gì trên lô đất này từ Công ty. Khoảng tháng 04 năm 2018, ông Trần Duy C, bà Nguyễn Thị Hồng T có hồ sơ xin chấp thuận xây dựng tại ô số 04, lô NLK.09, thửa đất số 308, tờ bản đồ số 10, thuộc khu Đ, phường H, thành phố L. Ban quản lý đã có văn bản chấp thuận cho ông C, bà T xây dựng trên lô đất này. Ông C chưa có đơn yêu cầu xác định mốc giới của ô đất nên Công ty cũng chưa có lệnh bàn giao mốc giới, nhưng ông C đã tiến hành xây dựng công trình. Đến khoảng cuối tháng 6 năm 2018, ông Vũ Tuấn D, bà Phạm Thị N có thông báo cho Công ty việc ông Trần Duy C, bà Nguyễn Thị Hồng T xây dựng nhầm trên ô số 06, lô NLK.09, thửa đất số 310 tờ bản đồ số 10, khu Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn của ông D bà N; Công ty đã có thông báo cho ông C, bà T dừng thi công. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Vũ Tuấn D, bà Phạm Thị N tại

ô số 06, lô NLK.09, thửa đất số 310 tờ bản đồ số 10, khu Đ và chấp thuận hồ sơ thi công, công trình xây dựng tại ô số 04, lô NLK.09, thửa đất số 308 tờ bản đồ số 10, thuộc khu Đ cho ông Trần Duy C, bà Nguyễn Thị Hồng T, Công ty H1 đều đã làm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Danh T:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập viết bản khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Dương Danh T. Tuy nhiên, ông Dương Danh T vẫn vắng mặt, không chịu hợp tác, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Với những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST, ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N, buộc ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T tháo dỡ, di dời toàn bộ ngôi nhà xây 04 tầng, xây thô (cả phần móng, đang xây dở tầng 4) trên thửa đất số 310, ô số 6, lô NLK.09, tờ bản đồ số 10, có diện tích 82,5m^2 thuộc khu Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để trả lại nguyên trạng thửa đất cho ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 560085 ngày 26-11-2014, mang tên người sử dụng đất ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N. Chi phí việc tháo dỡ, di dời ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T tự chịu.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N về việc buộc ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T trả tiền làm lễ liền thổ, lu lại thửa đất, bồi thường tổn thất về tinh thần vì không có căn cứ pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 4.900.000đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N đã tạm ứng trước và thanh toán toàn bộ chi phí tố tụng. Ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả cho ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/02921 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-7-2019, ông Trần Duy C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại vụ án, làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ

án; phía bị đơn không đồng ý tháo dỡ di dời ngôi nhà đã xây nhầm trên đất của nguyên đơn ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N .

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Trần Duy C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về kháng cáo của người kháng cáo: Ông Trần Duy C kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó, kháng cáo hợp lệ.

Các nội dung kháng cáo: Thửa đất số 310, tại ô số 06, lô NLK 09, diện tích 82,5m^2 thuộc tờ bản đồ số 10, khu Đ, phường H được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT560085 ngày 26/11/2014 cho ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N; tháng 4 năm 2018 ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T nộp đơn xin Ban quản lý dự án P, Công ty cổ phần đầu tư-xây dựng H1 chấp thuận xây dựng tại ô số 4, lô NLK 09 thửa 308, tờ bản đồ số 10 khu Đ phường H, thành phố L đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 90436 ngày 13-10-2017 cho ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T; nhưng khi tiến hành xây dựng thì ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T đã xây dựng nhà nhầm trên khu đất của ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N, việc xây dựng của ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T chưa có lệnh bàn giao mốc giới của Ban quản lý dự án P, Công ty cổ phần đầu tư-xây dựng H1 chấp thuận xây dựng tại ô số 4, lô NLK 09 thửa 308, tờ bản đồ số 10 khu đô thị I phường H, thành phố L và xây dựng nhầm lên phần đất thuộc quyền quản lý sử dụng của người khác thuộc trường hợp phải tháo dỡ theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 118 Luật Xây dựng do có lỗi của ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T, do đó Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T phải tháo dỡ công trình trả lại nguyên trạng đất là có căn cứ; việc ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T kháng cáo không đồng ý tháo dỡ, di dời ngôi nhà đã xây nhầm trên đất của Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của Ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

[2] Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án việc tống đạt văn bản tố tụng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Dương Danh T cấp sơ thẩm đã ban hành giấy triệu tập anh T đến Tòa án viết bản tự khai, chứng kiến việc

xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp, nhưng khi tiến hành triệu tập đến phiên tòa thì anh T không có mặt và không hợp tác; tại cấp phúc thẩm mặc dù anh Dương Danh T đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt và việc vắng mặt của anh Dương Danh T các bên đương sự đều không có ý kiến gì, Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Xét thấy việc xét xử vắng mặt anh Dương Danh T không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo qui định của pháp luật.

[3] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu: buộc ông C và bà T tháo dỡ công trình từ phần móng, trả lại mặt bằng cho ông; yêu cầu ông C và bà T phải trả tiền làm lễ liền thổ theo phong tục địa phương; yêu cầu phải lu lại mặt bằng để trả lại nguyên trạng thửa đất và yêu cầu phải bồi thường tổn thất tinh thần. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết theo đúng các yêu cầu của nguyên đơn; nhưng Bản án lại xác định thiếu quan hệ pháp luật, nên cấp phúc thẩm cần bổ sung thêm quan hệ pháp luật là "tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ công trình trên đất, bồi thường tiền lễ, yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần".

[4] Xét kháng cáo của ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại vụ án, làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án; phía bị đơn không đồng ý tháo dỡ, di dời ngôi nhà đã xây nhầm;

[5] Đối với kháng cáo về việc làm rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án: Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định phạm vi xét xử phúc thẩm Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của Bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo. Tại Bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập tới nội dung trách nhiệm và nghĩa vụ của các đương sự khác trong vụ án. Do vậy, nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của cấp phúc thẩm.

[6] Xét kháng cáo về việc không đồng ý tháo dỡ di dời ngôi nhà đã xây nhầm trên đất của nguyên đơn. Xét thấy:

[7] Thửa đất số 310, ô số 06 lô NLK.09, tờ bản đồ số 10, thuộc khu Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 560085 ngày 26-11-2014, mang tên người sử dụng ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N. Từ khi mua đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông D và bà N chưa xây dựng gì trên thửa đất này, không có ai tranh chấp và cũng không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp; như vậy ông D và bà N là người sử dụng đất hợp pháp được Nhà nước bảo đảm quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 26; khoản 1, khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai 2013.

[8] Trong bản khai và quá trình giải quyết vụ án Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng H1 đã trình bày: Khoảng tháng 04 năm 2018 ông Trần Duy C, bà Nguyễn Thị Hồng T có hồ sơ xin chấp thuận xây dựng tại ô số 04, lô NLK.09, thửa đất số 308, tờ bản đồ

số 10, thuộc khu Đ, phường H, thành phố L. Ban quản lý đã có văn bản chấp thuận cho ông C, bà T xây dựng trên lô đất này. Tuy nhiên, ông C chưa có đơn yêu cầu xác định mốc giới của ô đất nên Công ty cũng chưa có lệnh bàn giao mốc giới, nhưng ông C, bà T đã tự ý tiến hành xây dựng công trình dẫn đến việc đã xây nhầm công trình lên ô số 06 của ông D, bà N. Việc xây dựng công trình nhầm vào đất thuộc quyền sử dụng của người khác, lỗi hoàn toàn thuộc về ông C, bà T.

[9] Trong đơn kháng cáo ông Trần Duy C, bà Nguyễn Thị Hồng T có trình bày tài sản có giá trị lớn, tích góp nhiều năm, nếu phải tháo dỡ sẽ gây tổn thất lớn. Tuy nhiên, không thể vì lợi ích của bị đơn mà xâm phạm đến quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người sử dụng đất là nguyên đơn đã được Nhà nước bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều 163 Bộ Luật Dân sự năm 2015 và quy định tại điểm đ Điều 118 Luật Xây dựng năm 2014 về việc phá dỡ công trình xây dựng khi công trình xây dựng lấn chiếm đất công, đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

[10] Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải và đưa ra nhiều phương án để hai bên thỏa thuận nhưng không đạt kết quả: Tại phiên hòa giải ngày 06-5-2019, bị đơn ông Trần Duy C thừa nhận việc xây nhầm đất; ông D bà N đồng ý với phương án đổi ô số 06 của ông D, bà N lấy ô số 04 hoặc số 05 như ý kiến ông C, bà T đưa ra hoặc ông D, bà N bán lại ô số 06 cho ông C, bà T theo giá thỏa thuận; tuy nhiên, trong khi hai bên đang trong quá trình thương lượng, ông C, bà T đổi ô đất số 04 của ông C, bà T lấy ô số 05 của vợ chồng chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Bá T. Sau đó vợ chồng chị Nguyễn Thị H2 và anh Nguyễn Bá T đã bán ô đất số 04 cho bà Đỗ Thị B. Đối với ô số 05, ngày 13-3-2019 ông C, bà T cũng bán lại cho bà Đỗ Thị B, điều này thể hiện ông C, bà T chưa thực sự có thiện chí cùng ông D, bà N tìm hướng khắc phục vụ việc. Tại phiên tòa cấp phúc thẩm phía ông C, bà T đề nghị để ông D, bà N được sở hữu ngôi nhà do ông C, bà T đã xây nhầm trên đất của ông D, bà N và phía ông C, bà T không yêu cầu ông D, bà N phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào; nhưng phía ông D, bà N vẫn kiên quyết yêu cầu phía ông C, bà T phải tháo dỡ, di dời công trình để trả lại nguyên trạng mặt bằng đất cho ông D, bà N.

[11] Với nhận định nêu trên, xét thấy, bản án sơ thẩm đã buộc bị đơn ông C và bà T phải tháo dỡ, di dời toàn bộ ngôi nhà xây 04 tầng, xây thô trên thửa đất số 310, ô số 6, lô NLK.09, tờ bản đồ số 10, có diện tích 82,5m^2 thuộc khu Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để trả lại mặt bằng đất cho ông D, bà N là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của ông C; cần xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên ông Trần Duy C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 118 Luật Xây dựng năm 2014; khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giám, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Duy C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 26-6-2019 của Tòa án nhân dân thành phố L, cụ thể:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N, buộc ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T tháo dỡ, di dời toàn bộ ngôi nhà xây 04 tầng, xây thô (cả phần móng, đang xây dở tầng 4) trên thửa đất số 310, ô số 6, lô NLK.09, tờ bản đồ số 10, có diện tích 82,5 m^2 thuộc khu Đ, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để trả lại nguyên trạng thửa đất cho ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N. Đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 560085 ngày 26-11-2014, mang tên người sử dụng đất ông Vũ Tuấn D và bà Phạm Thị N. Chi phí việc tháo dỡ, di dời ông Trần Duy C và bà Nguyễn Thị Hồng T tự chịu.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Duy C phải chịu 300.000đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2015/0001853 ngày 22-7-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận ông Trần Duy C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (09-10-2019).

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao HN;
- VKSND Cấp cao HN;
- VKSND tỉnh LS;
- TAND thành phố L, tỉnh LS.
- Chi cục THADS thành phố L, tỉnh LS;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV, THA
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Xuân Sơn